

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày: 02-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Lâm Sơn.

Ông Huỳnh Tấn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Minh S, sinh năm 1994, tại huyện C, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phạm Minh Q, sinh năm 1947 và bà Lê Thị H, sinh năm 1961; Có vợ là Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1992; Có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị tạm giam ngày 05/02/2019 cho đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1974. (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Lệ C, sinh năm 1981. (Vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1992. (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Ông Phạm Minh Q, sinh năm 1947. (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Anh Ngô Thanh N, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng:

1. Chị Dương Thị V, sinh năm 1978. (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Phước T, sinh năm 1993. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 17/01/2019, sau khi đi chơi ở thành phố L, tỉnh An Giang, Phạm Minh S điều khiển xe mô tô biển số 67C1 – 8447 của Phạm Minh Q (cha của S) về nhà ở xã H, huyện C. Khi đến khu vực ấp A, xã B, huyện C, S buồn ngủ nên vào nhà trọ “Việt Oanh” do Nguyễn Hữu P làm chủ thuê phòng số 17 để ngủ. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, S thức dậy đến bàn tiếp tân thanh toán tiền thuê phòng thì gặp Nguyễn Hữu T (con của P), S trả 60.000 đồng tiền thuê phòng trọ cho Thiện. Sau khi trả tiền xong, S thấy Thiện rời khỏi bàn tiếp tân và tại bàn tiếp tân không có người trông giữ nên S nảy sinh lấy trộm tiền tại bàn tiếp tân. S đến bàn tiếp tân mở ngăn tủ không khóa lấy trộm một cọc tiền của P và Nguyễn Thị Lệ C (vợ của P) được buộc bằng dây thun màu vàng bỏ vào túi quần. Xong, S điều khiển xe mô tô chạy về được khoảng 08km thì dừng xe lại đếm số tiền lấy trộm được 4.530.000 đồng rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô về nhà và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, S hay tin việc lấy trộm bị phát hiện đến Cơ quan Công an đầu thú, bị tạm giữ để điều tra.

Ngày 13/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C khởi tố, tạm giam Phạm Minh S.

Tại Bản cáo trạng số 12/CT.VKS ngày 19 tháng 3 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Phạm Minh S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo Phạm Minh S. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Minh S khoảng 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: chị Nguyễn Thị Trúc L (vợ bị cáo) đã giao nộp số tiền 4.530.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo và Cơ quan điều tra đã giao trả cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng thu giữ là 01 xe mô tô nhãn hiệu WAMEM, loại Wave RSX màu đỏ - đen, biển số 67C1 – 8447 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và đã được Cơ quan điều tra giao trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Minh Q là phù hợp nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

- Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các vật chứng đã thu giữ của bị cáo gồm 01 áo thun màu vàng (đã qua sử dụng), 01 áo khoác màu đen (đã qua sử dụng), 01 quần Jean màu xanh (đã qua sử dụng), 01 nón bảo hiểm màu tím (đã qua sử dụng) không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Minh S khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố: sau khi đi chơi với bạn bè ở thành phố L bị cáo điều khiển xe biển số 67C1 – 8447 của ông Phạm Minh Q (cha bị cáo) về đến xã B, do buồn ngủ nên bị cáo ghé nhà trọ “Việt Oanh” nghỉ lại. Đến khoảng 16 giờ 30 phút bị cáo thanh toán tiền phòng, khi tiếp tân rời đi bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm tiền tại bàn tiếp tân. Quan sát thấy không có người, bị cáo mở ngăn tủ lấy 01 cọc tiền được buộc bằng dây thun màu vàng bỏ vào túi quần, khi điều khiển xe đến trạm chờ xe buýt gần cầu Cự Hội (thuộc xã H), bị cáo lấy tiền ra kiểm tra thì thấy có nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau, thấp nhất 5.000 đồng, cao nhất 50.000 đồng, tổng cộng là 4.530.000 đồng. Sau đó, bị cáo điều khiển xe về nhà và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Khi hay tin bị phát hiện hành vi phạm tội, bị cáo đến Công an xã B đầu thú. Bị cáo không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Trong quá trình điều tra, truy tố, bị hại, người làm chứng có lời khai trình bày: Tài sản bị mất trộm là 4.530.000 đồng như nội dung vụ án. Vợ bị cáo là Nguyễn Thị Trúc L đã giao nộp lại số tiền trên để khắc phục hậu quả cho bị cáo và Cơ quan điều tra đã trao trả lại số tiền cho bị hại nên bị hại không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: xe mô tô nhãn hiệu WAMEM, loại Wave RSX màu đỏ - đen, biển số 67C1 – 8447 là do anh Ngô Thanh N cho ông Phạm Minh Q làm phương tiện đi lại. Ông Quang không biết việc bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp. Cơ quan điều tra đã giao trả lại xe cho ông Q nên ông Q không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng

về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thanh N và những người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Minh S khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên, đã có đủ cơ sở xác định: lợi dụng sự sơ hở của chủ nhà trọ “Việt Oanh” là anh Nguyễn Hữu P, chị Nguyễn Thị Lệ C trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 4.530.000 đồng trong ngăn tủ tại bàn tiếp tân của nhà trọ để tiêu xài cá nhân. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, đang ở độ tuổi lao động, lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động để tạo thu nhập chân chính phục vụ cho nhu cầu của bản thân và chăm lo cho gia đình nhưng ngược lại vì tham lam, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, điều này cho thấy ý thức xem thường pháp luật của bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú; là lao động chính trong gia đình; bị cáo đã vận động gia đình nộp lại số tiền 4.530.000 đồng để khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được giao trả lại số tiền bị mất trộm và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét, giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng đã thu giữ của bị cáo gồm: 01 áo thun màu vàng (đã qua sử dụng), 01 áo khoác màu đen (đã qua sử dụng), 01 quần Jean màu xanh (đã qua sử dụng), 01 nón bảo hiểm màu tím (đã qua sử dụng).

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh S 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2019.

Căn cứ Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 2 Điều 106, Điều 135, các Điều 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 áo thun màu vàng (đã qua sử dụng).
- 01 áo khoác màu đen (đã qua sử dụng).
- 01 quần Jean màu xanh (đã qua sử dụng).
- 01 nón bảo hiểm màu tím (đã qua sử dụng).

(Hiện các vật chứng trên do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C quản lý theo lệnh nhập kho vật chứng số 12 ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Chợ Mới, Phiếu nhập kho vật chứng số 09/PNK ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Chợ Mới và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới).

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Minh Q, Nguyễn Thị Trúc L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thanh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên